

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: *1400/QĐ-BCT*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 10777/BCT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc phân bổ kinh phí năm 2019 và Quyết định số 5008/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 10795/BCT-TC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc phân bổ kinh phí năm 2019 và Quyết định số 5107/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 1261/BCT-TC ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc thuyết minh và bổ sung tài liệu phân bổ kinh phí năm 2019;

Căn cứ Công văn số 713/BTC-HCSN ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc bổ sung tài liệu phân bổ kinh phí năm 2019;

Căn cứ Công văn số 2152/BTC-HCSN ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (đợt 1);

Căn cứ Công văn số 3865/BTC-HCSN ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 158/TKNL-CV ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững kèm theo Quyết định số 4785/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2018 và Quyết định số 5107/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Công văn số 422/TTTN-HTTM ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Vụ Thị trường trong nước kèm theo Quyết định số 692/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ năm 2019 của Bộ Công Thương thuộc Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Công văn số 513/CV-KHCN ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Vụ Khoa học và Công nghệ kèm theo Quyết định số 1177/QĐ-BCT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí, giao/chỉ định đơn vị tham gia thực hiện hoạt động các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2019;

Căn cứ Công văn số 655/CN-VP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Cục Công nghiệp kèm theo Quyết định số 644/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 5114/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2019;

Căn cứ Công văn số 2181/TCCB ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Vụ Tổ chức cán bộ kèm theo Quyết định số 827/QĐ-BCT ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ và điều chỉnh kinh phí từ Văn phòng Bộ cho các Trường thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019;

Căn cứ Công văn số 329/PVTM-VP ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Cục Phòng vệ thương mại về việc xin bổ sung kinh phí năm 2019;

Căn cứ Công văn số 716/ĐL-VP ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo về việc xin cấp bổ sung kinh phí;

Căn cứ Công văn số 450a/VP-TĐKT ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Văn phòng Bộ kèm theo Quyết định số 1358a/QĐ-BCT ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh Quyết định số 213/QĐ-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt các dự án, nhiệm vụ và kinh phí năm 2019 thực hiện Nhóm chương trình hỗ trợ nhằm thay đổi tích cực về nhận thức và hành vi của cộng đồng thuộc danh mục của Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam giai đoạn 2014-2020;

Căn cứ Công văn số 732/VKH-THQH ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Vụ Kế hoạch kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều chỉnh danh mục, kinh phí và giao thực hiện các nhiệm vụ năm 2019 triển khai Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương theo các phụ lục đính kèm.

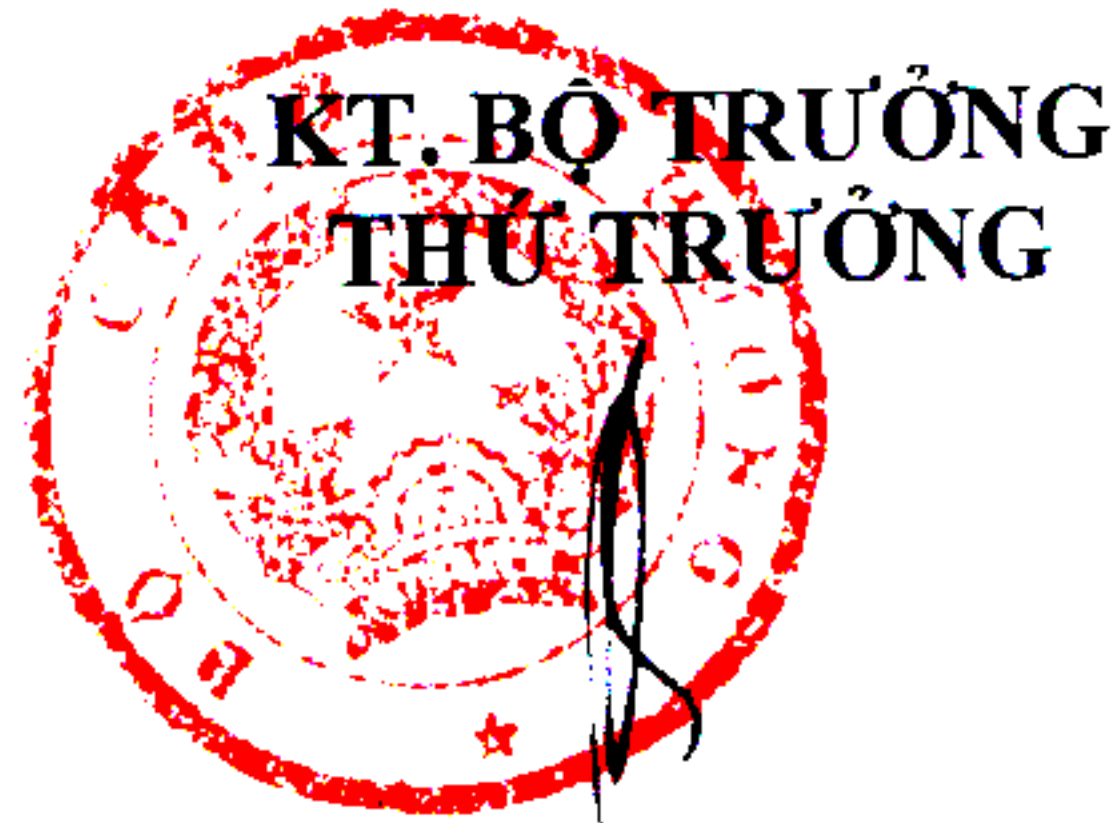
Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2019 được giao và Quyết định điều chỉnh, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Kế hoạch, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Cổng thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, TC.



Đặng Hoàng An

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC 01: ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019

(theo Công văn số 3865/BTC-HCSN ngày 02/4/2019 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2019)

(kèm theo Quyết định số: 1400/QĐ-BCT ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
I	Sự nghiệp đào tạo					
2.1	Kinh phí thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP				10.000	10.000
	Văn phòng Bộ Công Thương (giao kinh phí tự chủ tại QĐ 5107/QĐ-BCT. Loại 070 khoản 093)	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		10.000
a.	Kinh phí tự chủ thực hiện Nghị định số 61/2015/NĐ-CP. Loại 070 khoản 093				2.465,35	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng	Ông Bí - Quảng Ninh	2812	1054185	2.465,35	
b.	Kinh phí tự chủ (điều chỉnh tăng cho các trường thực hiện chế độ miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP. Loại 070 khoản 093)				2.846	
	Trường Cao đẳng cơ khí luyện kim	Sông Công - Thái Nguyên	2269	1054146	305	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	Mỹ Hào - Hưng Yên	0412	1054143	511	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Tỉnh Nam Định	0261	1054188	420	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm (V.Trí)	Phú Thọ	1261	1054144	415	
	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Thái Nguyên	2261	1055487	285	
	Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại	Cẩm Giăng - Hải Dương	0365	1055491	345	
	Trường Cao đẳng Công Thương Thái Nguyên	Kho bạc Thái Nguyên	2261	1098560	565	
c	Kinh phí không tự chủ (điều chỉnh tăng cho các trường kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản, hỗ trợ bảo lụt)				4.688,65	
	Loại 070 khoản 081					

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
	Đại học CN Quảng Ninh	Đông triều - Quảng Ninh	2815	1054142	506,65	
	Loại 070 khoản 093					
	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	0018	1054139	489	
	Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung (Tuy Hoà)	Phú Yên	2161	1054211	498	
	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thương mại	Hà Đông - Hà Nội	0026	1.055.485	1.396	
	Trường Cao đẳng Công Thương Hải Dương	Cẩm Giàng - Hải Dương	0365	1055492	497	
	Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ	Phù ninh - Phú Thọ	1266	1058722	495	
	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	0025	1.055.490	491	
	Trường Cao đẳng Công Thương Thái Nguyên	Kho bạc Thái Nguyên	2261	1098560	316	
2.2	Đề án phát triển thương mại nông thôn				1.800	1.800
	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		1.800
	Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	0366	1.054.186	300	
	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V. Trì)	Phú Thọ	1261	1.054.144	500	
	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thương mại	Hà Đông - Hà Nội	0026	1.055.485	1.000	
	Điều chỉnh kinh phí từ đơn vị hạch toán phụ thuộc sang đơn vị dự toán (Kinh phí không tự chủ)				2.200	2.200
2.3	KP Đào tạo lại Loại 070 khoản 085					
	a.					
	Trung tâm tư vấn, đào tạo Công nghiệp và thương mại (đã giao tại QĐ 5107/QĐ-BCT)	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.585		1.300
	Viện nghiên cứu chiến lược Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1054054	1.300	
	Trung tâm Tư vấn Dịch vụ đầu tư và Thương mại (đã giao tại QĐ 5107/QĐ-BCT)	Quận Phú nhuận - TP HCM	119	1055586		500
	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Q. Phú Nhuận - TP HCM	0119	1055533	500	
	KP Đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Loại 070 khoản 083)					
	b.					
	Trung tâm Tư vấn Dịch vụ đầu tư và Thương mại (đã giao QĐ 5107/QĐ-BCT)	Quận Phú nhuận - TP HCM	119	1055586		400
	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Q. Phú Nhuận - TP HCM	0119	1055533	400	
TI	Sự nghiệp kinh tế (Vấn ngoài nước)				4	4

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
1	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (Chương trình hỗ trợ chính sách phát triển năng lượng và tiếp cận năng lượng bền vững tới khu vực nông, miền núi và hải đảo)	KBNN Hà Nội	0011	1.112.792		4
2	Cục Hóa chất (Dự án: Áp dụng Hóa học Xanh (HHX) tại Việt Nam nhằm hỗ trợ tăng trưởng xanh và giảm thiểu việc phát thải và sử dụng các hóa chất hữu cơ khó phân hủy (POPs) và hóa chất nguy hại)	KBNN Hà Nội	0011	1096263	4	

BỘ CÔNG THƯƠNG

PHỤ LỤC 02: ĐIỀU CHỈNH GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2018
(theo đề nghị của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương)

(kèm theo Quyết định số: 1400/QĐ-BCP ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Kinh phí không thường xuyên	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
I	Sự nghiệp kinh tế:					
	Loại 280-321: Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo				2.350	2.350
1	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		2.350
	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thương mại	Hà Đông - Hà Nội	0026	1.055.485	500	
	Trường Cao đẳng Du lịch và Thương mại	Cẩm Giàng - Hải Dương	0365	1.055.491	500	
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	350	
	Trung tâm Thông Tin Công nghiệp và Thương mại	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	650	
	Trung tâm Truyền thông-Truyền hình Công Thương (Cục XTMM)	KBNN Hà Nội	0011	1.122.233	350	
	Loại 280-309: (Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ)				39.250	39.250
2	Cục Công nghiệp	KBNN Hà Nội	0011	1.126.078		39.250
	Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghiệp	KBNN Hà Nội	0011	3.029.062	39.250	
	Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp đến năm 2020. Loại 280-321 (Vụ KH)				4.300	4.300
3	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		4.300
	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1054054	2.700	

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Kinh phí không thường xuyên	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
	Cục Điều tiết điện lực	KBNN Thanh Xuân	0022	1.008.968	300	
	TT Thông Tin Công nghiệp và Thương mại	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.055.532	300	
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	500	
	Tạp chí Công Thương	KBNN Cầu Giấy, HN	0023	1.074.871	500	
4	Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Loại 280-321					
	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		500
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	500	
II	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo					
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Loại 070-098. Mã CT: 0390-0395. (Vụ TCCB)					
	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		1.910
	Trường Cao đẳng CN Hưng Yên	Mỹ Hào - Hưng Yên	0412	1.054.143	560	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên	Kho bạc Thái Nguyên	2261	1054184	140	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế	Thừa Thiên Huế	1611	1054182	380	
	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	Tỉnh Nam Định	0261	1054188	630	
	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch	Thái Nguyên	2261	1055487	200	
III	Sự nghiệp môi trường:					
	Chương trình mục tiêu Ưng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh. Loại 250 khoản 272. Mã Chương trình 00749. Theo Quyết định số 4785/QĐ-BCT ngày 24/12/2018 (Nguồn 2018).					
1						
	Văn phòng Bộ Công Thương	KBNN Hà Nội	0011	1.053.956		1.400
	Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1266	1.054.017	300	
	Viện Năng lượng	Q. Đống Đa - Hà Nội	0015	1.054.529	1.100	

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã số KBNN	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Kinh phí không thường xuyên			
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		
2	Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh. Loại 250 khoản 272. Mã Chương trình 00749. Theo Quyết định số 5107/QĐ-BCT ngày 28/12/2018 (Nguồn 2019).	Văn phòng Bộ Công Thương	0011	1.053.956	2.000	2.000		
		Đại học CN Việt Trì	1266	1.054.017	500			
	Viện Năng lượng	Q. Dông Đa - Hà Nội	0015	1.054.529	1.500			
IV	Sự nghiệp Y tế (OK)							
1	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số. Loại 130-134. Mã Chương trình 0649 (Vụ KHCHN)	Văn phòng Bộ Công Thương	0011	1.053.956	17.600	17.600		
		Tổng Cục Quản lý thị trường	0011	1.055.483	1.400			
		Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	0025	1.055.490	2.100			
		Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP HCM	0135	1.054.145	2.000			
		Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm (V.Trì)	1261	1054144	4.000			
		Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật thương mại	0026	1.055.485	6.800			
		Báo Công Thương	0013	1.022.389	300			
		Tạp chí Công Thương	0023	1.074.871	1.000			
		Quản lý nhà nước						
		1	Cục Điều tiết điện lực	KBNN Thanh Xuân - HN	0022	1.008.968		100
2	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (tiếp nhận 1 công chức)		0011	1.112.792	100			
			0011	1.053.956				
			0011	1.125.861	84			